

Bản án số: 1112/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 9 - 2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huy Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Thành Viên

Bà Phạm Thị Bích Loan

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Thục Đoan – Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:***  
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai, vụ án dân sự thụ lý số: 655/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 177/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020.

*Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thúy A, sinh năm 1983; địa chỉ: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

*Bị đơn:* Ông Ngô Thanh B, sinh năm 1973

Nơi cư trú cuối cùng: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 5 năm 2020, bản tự khai, qua các lần làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là bà Hoàng Thúy A trình bày:

Bà Hoàng Thúy A và ông Ngô Thanh B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Đồng Nai, Giấy chứng nhận kết hôn số: 154, quyền số: I/2005 ngày 09 tháng 12 năm 2005. Bà A và ông B có 02 con chung là Ngô Gia B, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2006 và Ngô Bảo T, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2009; hiện nay các con chung vẫn đang sống cùng bà A. Trong quá trình chung sống bà A và ông B có nhiều mâu thuẫn trầm trọng về quan điểm sống, ông B đã bỏ nhà đi biệt tích từ năm 2011. Bà A đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông B mất tích và đã có Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 109/2020/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp. Nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với người mất tích là ông B để ổn định cuộc sống.

Bà A yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A xin ly hôn với ông B.
- Về con chung: Có hai con chung là 02 con chung là Ngô Gia B, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2006 và Ngô Bảo T, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2009.

Từ khi ông B bỏ nhà đi đến nay, bà A vẫn trực tiếp nuôi con nên bà A xin được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung đến khi con trưởng thành và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông B, triệu tập ông B để ghi bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Ông B không tới tham gia tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Bà A vẫn xin được giải quyết ly hôn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để triệu tập ông B tham gia phiên tòa, ông B vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả làm việc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 154, quyền số: I/2005 ngày 09 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Hoàng Thúy A và ông Ngô Thanh B đã xác định quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

Yêu cầu xin ly hôn của bà A đối với ông B là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Đối với yêu cầu ly hôn của bà A:

Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống, ông B bỏ nhà ra đi từ năm 2011, hiện nay ông B đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số: 109/2020/QĐST-DS ngày 18/5/2020. Như vậy, cho thấy vợ chồng không còn sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 2 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của bà A là phù hợp với qui định của luật Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì thực tế cả hai không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được thì không nhất thiết kéo dài mối quan hệ hôn nhân nữa. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hoàng Thúy A với ông Ngô Thanh B.

2.2. Đối với con chung:

Căn cứ vào giấy khai sinh số:09, quyền 01/2008 trẻ Ngô Gia B và Giấy khai sinh số:265, quyền 01/2009 trẻ Ngô Bảo T của Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; xác định bà A và ông B có 02 con chung là Ngô Gia B, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2006 và Ngô Bảo T, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2009. Xét thấy bà A vẫn đang nuôi các con từ khi ông B đi khỏi nhà, các con chung có nguyện vọng được sống chung với bà A. Do đó, cần đảm bảo cho sinh hoạt, học hành của các con chung được ổn định, nên chấp nhận yêu cầu của bà A được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành là có cơ sở và phù hợp với quy định của luật Hôn nhân và Gia đình.

Do bà Hoàng Thúy A không yêu cầu ông Ngô Thanh B cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông B cho đến khi bà A có yêu cầu.

Khi ông B trở về được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí HNST: Bà A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 150, Điều 203, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

##### **1. Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thúy A.**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thúy A được ly hôn với ông Ngô Thanh B. Giấy chứng nhận kết hôn số: 154, quyền số: I/2005 ngày 09 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Hoàng Thúy A và ông Ngô Thanh B không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cho bà Hoàng Thúy A trực tiếp nuôi 02 con chung là Ngô Gia B, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2006 và Ngô Bảo T, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2009 từ ngày ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông B cho đến khi bà A có yêu cầu.

Nếu ông B trở về thì ông B được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở quyền này của ông B. Nếu ông B lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của ông B.

Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng), bà A phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) bà A đã tạm nộp án phí theo biên lai số: AA/2019/0026273 ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà A đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV;
- THA DS q. GV;
- UBND xã D, h E, t ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huy Hoàng**